



jù yuàn
剧院

Noun · theater

Example Sentences

wǒ men zài jù yuàn dìng le yí gè bāo xiāng
我们在剧院订了一个包厢。

We booked a private box at the theater

zhè ge jù yuàn yǒu hěn duō jù mù
这个剧院有很多剧目。

This theater has many plays.

zhè ge zhōu mò jù yuàn jiāng shàng yǎn yī bù xīn huà jù
这个周末，剧院将上演一部新话剧。

This weekend, the theater will stage a new play.

Trace each character, then write the word on your own.

剧	剧	剧	剧	剧	剧	剧	剧	剧	剧	剧
剧	剧									

院	院	院	院	院	院	院	院	院	院	院
院										